

Số: 182/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 13 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn H, sinh năm 1989,

2. Bà Nguyễn Thị HN, sinh năm 1996,

Cùng địa chỉ: số T, Trần Xuân S, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: Số K, Hưng Phú, Phường M, Quận 8, Tp.HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN tự tìm hiểu 04 năm, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số K đăng ký ngày 15/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện CL, tỉnh Bến Tre).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Hiện nay, ông H và bà HN cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H và bà HN cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng xác nhận có 01 (một) con chung là Nguyễn Phúc Thiện (Nam), sinh ngày 26/5/2017.

Ông Âu và bà Nhung thống nhất thỏa thuận: Ông H đồng ý để bà HN được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trẻ Nguyễn P (Nam), sinh ngày 26/5/2017, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện vào ngày 01/6/2020. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số K do Ủy ban nhân dân xã P, huyện CL, tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/02/2017, không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN xác nhận có 01 (một) con chung là Nguyễn P (Nam), sinh ngày 26/5/2017.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận Ông H đồng ý để bà HN được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trẻ Nguyễn P (Nam), sinh ngày 26/5/2017, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện vào ngày 01/6/2020. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà HN có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Âu.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032276 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị HN đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNd Q.7, Tp.HCM;
- C/c THADS Q.7, Tp.HCM
- C/q đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy